

*Đ, ngày 23 tháng 9 năm 2020*

Số: 371/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 472/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa: Bà Vũ Thị Kiều D, sinh năm 1978 và ông Lê Đức T, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: số 67, đường A B, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị Kiều Duyên và ông Lê Đức Tuấn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về con chung: Hai bên thỏa thuận bà Vũ Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên tên Lê Vũ Quỳnh Gi, sinh ngày 30/10/2004 và Lê Vũ Uyên Nh, sinh ngày 11/3/2006 theo nguyện vọng của con cho đến khi các con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3- Về án phí: Bà Vũ Thị Kiều D thỏa thuận chịu 150.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Ng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017787 ngày 17/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, hoàn trả bà D số tiền 150.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân TP.Đ;
- UBND Phường C, thành phố Đ;
- Dương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Chu Văn Bình**